

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2023/HNGĐ-PT

Ngày 30 - 9 - 2023

V/v Chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các thẩm phán: Ông Đinh Huy Hiệp, bà Điều Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc Chia tài sản khi ly hôn. Do bản án sơ thẩm số: 36/2022/HNGĐ-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐ-PT ngày 20/7/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 21/2023/QĐPT-DS ngày 01/8/2023; Các Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐ-PT ngày 15/9/2023 và số 31/2023/QĐ-PT ngày 23/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Trần Thị A. Nơi cư trú cũ: Bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú mới: Bản NN 2, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn:

Ông Đoàn Mạnh B. Nơi cư trú: Bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Đoàn Mạnh C, sinh năm: 1994. Nơi ĐKKHKT: Bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án tại Đội 13, phân trại số 1, Trại giam X, Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: xã HH, huyện PY, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đoàn Mạnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Trần Thị A trình bày như sau:

Bà và ông Đoàn Mạnh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/4/1994 tại UBND thị trấn SM, huyện SM, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B không quan tâm đến gia đình, hay ghen bóng ghen gió, đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà nhiều lần. Nay mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Mạnh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Mạnh C, sinh ngày 09/10/1994 và Đoàn Duy D, sinh ngày 30/5/2005. Cháu D đang ở với bà, cháu C đang ở với ông B. Ly hôn, bà đề nghị được nuôi cháu D. Cháu C đã lớn, có nguyện vọng ở với bố, nên bà nhất trí. Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có khối tài sản chung bao gồm: Thửa đất số 6a diện tích 64m², trên đất có nhà; thửa đất số 64b, diện tích 40,5m²; thửa đất số 04 diện tích 395m² tại khu bến phà cũ; các thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số B1/SD, tại xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La và đã được Ủy ban nhân dân huyện SM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đoàn Mạnh B. Ly hôn, bà yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, đề nghị chia cho bà thửa đất số 6b diện tích 40,5m² và 18 mét đất mặt đường đối diện với thửa đất số 04 tại khu bến phà cũ; chia cho ông B nhà đất thửa số 6a diện tích 64m² và 18m đất mặt đường đối diện với thửa đất số 04 tại khu bến phà cũ. Ngoài ra vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Đoàn Mạnh B trình bày:

Ông đồng ý ly hôn và thống nhất với bà A về nuôi con chung và nợ chung. Ông và bà A đã thỏa thuận bà A được chia 12 mét đất mặt đường đối diện với thửa đất số 04 tại khu bến phà cũ, còn lại 18m là của ông.

Đối với thửa đất tại xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La (thửa 6a diện tích 64m², trên đất có nhà và thửa 6b diện tích 40,5m² là tài sản chung vợ chồng nhưng chủ yếu là công sức của ông tạo dựng nên không đồng ý chia cho bà A mà ông tạm thời quản lý để cho các con.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La đã quyết định:

1. Xử cho bà Trần Thị A được ly hôn với ông Đoàn Mạnh B.
2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Duy D, sinh ngày 30/5/2005 cho bà A nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đoàn Mạnh C, sinh ngày 09/10/1994 cho ông B nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con theo bên nào.
3. Về tài sản chung:

- Bà Trần Thị A được sở hữu và sử dụng đối với mảnh đất 44,5m² trị giá 20.000.000 đồng tại tờ bản đồ số B1/SD, thửa số 6b, phía Tây giáp thửa đất số 6a, phía Đông giáp đất ông Đoàn Văn M, phía nam giáp đất ông Đoàn Danh M1, phía Bắc giáp đường 105 và 12m đất trị giá 7.594.000 đồng đất khu bến phà cũ tại tờ bản đồ số B1/SD thửa đất số 04, phía Bắc giáp đất của ông M2, phía Tây giáp đường dân sinh, phía Nam giáp đất của ông B, phía Đông giáp đất ông M3. Tổng trị giá tài sản là 27.594.000 đồng.

- Ông Đoàn Mạnh B được sở hữu và sử dụng đối với mảnh đất 64m² có 01 nhà xây cấp 4 ba gian, trị giá 100.000.000 đồng tại tờ bản đồ số B1/SD, thửa số 6a, phía Bắc giáp đường 105, phía Đông giáp mảnh đất vườn thửa số 6b, phía Nam giáp đất ông Đoàn Danh M1, phía Tây giáp đất ông Đoàn Danh M1 và 18m đất trị giá 17.594.000 đồng, đất khu bến phà, phía Bắc giáp đất của bà A, phía Đông giáp đất ông M3, phía Nam giáp đất của ông M4, phía Tây giáp đường dân sinh. Tổng giá trị tài sản là 117.594.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đoàn Mạnh B có đơn kháng cáo. Quá trình giải quyết phúc thẩm, ông B có đơn rút kháng cáo.

Tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2012/QĐ-ĐC ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự về vụ án hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là bà Trần Thị A với bị đơn là ông Đoàn Mạnh B.

2. Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký quyết định này.

Ngày 25/9/2013, Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La có Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 538/TB-TA đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La sửa chữa, bổ sung cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị A được sở hữu và sử dụng đối với mảnh đất 82,32m² trị giá 20.000.000 đồng tại tờ bản đồ số B1/SD, thửa số 6b, phía Tây giáp thửa đất số 6a (ông B) có chiều dài 15,4m, phía Đông giáp đất ông Đoàn Văn M (ông Tuyến) có chiều dài 18,2m, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Danh M1 có chiều rộng 5,0m, phía Bắc giáp đường 105 có chiều rộng 4,8m.

- Ông Đoàn Mạnh B được sở hữu và sử dụng đối với mảnh đất 70,84m² có 01 nhà xây cấp 4 ba gian, trị giá 100.000.000 đồng tại tờ bản đồ số B1/SD, thửa số 6a, phía Bắc giáp đường 105 có chiều rộng 4,6m, phía Đông giáp mảnh đất vườn thửa số 6b chiều dài 15,4m, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Danh M1 có chiều rộng 4,6m, phía Tây giáp đất ông M4 có chiều dài 15m và 18m đất trị giá 17.594.000 đồng; đất khu bến phà, phía Bắc giáp đất của bà A, phía Đông giáp ông M3, phía Nam giáp đất của ông M4, phía Tây giáp đường dân sinh. Tổng giá trị tài sản là 117.594.000 đồng.

Quá trình thi hành án, do khó thi hành án, nên ngày 22/7/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện SM, tỉnh Sơn La có Công văn số 198/CV-CCTHA kiến nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2012/QĐ-ĐC ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La về phần tài sản.

Tại Quyết định tái thẩm số 01/2022/HNGĐ-TT ngày 25/02/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã Quyết định: Hủy bản Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2012/QĐ-ĐC ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La về phần tài sản giữa nguyên đơn bà Trần Thị A với bị đơn ông Đoàn Mạnh B. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La giải quyết sơ thẩm lại về phần tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2022, Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La đã thụ lý lại vụ án trên.

Tại bản tự khai ngày 21/4/2022 và quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị A vẫn giữ nguyên lời khai về tài sản chung. Đối với tài sản được phân chia là 12m đất theo mặt đường đất khu bên phà cũ tại tờ bản đồ số B1/SD thửa đất số 04 đã được bà A chuyển nhượng cho người khác, không yêu cầu giải quyết lại. Đối với phần thửa đất còn lại được chia (thửa 6b) với diện tích 82,32m² tại tờ bản đồ số B1/SD tại bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La, bà A đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được sở hữu và sử dụng. Các vấn đề khác bà A không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến ông Đoàn Mạnh B: Nhất trí với nội dung trình bày của nguyên đơn nhưng không đồng ý phân chia lại tài sản và có nguyện vọng nếu bà A nhất trí tài sản là thửa đất số 6a có 01 ngôi nhà xây cấp 4 và thửa đất số 6b tại tờ bản đồ số B1/SD thì vợ chồng nên thống nhất để lại cho các con. Nếu không thống nhất được thì đề nghị thi hành theo bản án năm 2012.

Ngày 15/7/2022, Tòa án nhân dân huyện SM tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp còn lại, kết quả cụ thể:

Mảnh đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đoàn Mạnh B, cấp ngày 09/4/2003, thuộc tờ bản đồ số B1/SD gồm 02 thửa:

+ Thửa đất 6a có diện tích như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 60m²; Phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nối tiếp giáp với thửa 6a là 25,25m²; tổng diện tích đối với thửa đất 6a là 85,25m². Có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp với đường Quốc lộ 4G có chiều rộng 5,5m. Phía Nam giáp đất ông M1 có chiều rộng 5,5m; Phía Đông giáp đất thửa 6b có chiều dài 15m; Phía Tây giáp đất ông M1 có chiều dài 15m, mục đích sử dụng đất là đất ở nông thôn.

+ Thửa đất 6b có diện tích như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 44,5m²; Phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nối tiếp giáp với thửa 6a là 22,85m²; tổng diện tích đối với thửa đất 6b là 67,39m². Có tứ cận tiếp

giáp: Phía Bắc giáp với đường Quốc lộ 4G có chiều rộng 4,0m. Phía Nam giáp đất ông M1 có chiều rộng chéo 5,3m; Phía Đông giáp đất ông F chiều dài 19,5m; Phía Tây giáp đất thửa 6a có chiều dài 15m, mục đích sử dụng đất là đất nuôi trồng thủy sản.

Về tài sản trên đất: Không xem xét.

Tại Biên bản định giá ngày 15/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản theo Quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tài sản của Tòa án nhân dân huyện SM xác định: Thửa đất 6b có trị giá: 2.560.820 đồng.

Tại bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La xét xử và quyết định:

Căn cứ Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158 BLTTDS năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về phân chia lại tài sản chung khi ly hôn:

- Giao cho bà Trần Thị A được quyền sở hữu, sử dụng: Thửa đất 6b có diện tích như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 44,5m²; Phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nối tiếp giáp với thửa 6a là 22,85m²; tổng diện tích đối với thửa đất 6b là 67,39m². Có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp với đường Quốc lộ 4G có chiều rộng 4,0m. Phía Nam giáp đất ông M1 có chiều rộng chéo 5,3m; Phía Đông giáp đất ông F chiều dài 19,5m; Phía Tây giáp đất thửa 6a có chiều dài 15m, mục đích sử dụng đất là đất nuôi trồng thủy sản (*Có sơ đồ thửa đất đo vẽ kèm theo*). Thửa đất thuộc tờ bản đồ số B1/SD theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 294377 do UBND huyện SM cấp ngày 09/4/2003 mang tên ông Đoàn Mạnh B. Vị trí thửa đất tại: Bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La.

Buộc ông B phải tháo dỡ toàn các tài sản đã xây dựng trên thửa đất 6b để trả lại nguyên trạng thửa đất cho bà A. Bà Trần Thị A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước quản lý về đất đai để thực hiện việc đăng ký biến động đất đai và cấp GCNQSDĐ theo quy định.

- Giao cho ông Đoàn Mạnh B được quyền sở hữu, sử dụng: Thửa đất 6a có diện tích như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 60m²; Phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nối tiếp giáp với thửa 6a là 25,25m²; tổng diện tích đối với thửa đất 6a là 85,25m². Có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp với đường Quốc lộ 4G có chiều rộng 5,5m. Phía Nam giáp đất ông M1 có chiều rộng 5,5m; Phía Đông giáp đất thửa 6b có chiều dài 15m; Phía Tây giáp đất ông M1 có chiều dài 15m, mục đích sử dụng đất là đất ở nông thôn. (*Có sơ đồ thửa đất đo vẽ kèm theo*). Thửa đất thuộc tờ bản đồ số B1/SD theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 294377 do UBND huyện SM cấp ngày 09/4/2003 mang tên ông Đoàn Mạnh B. Vị trí thửa đất tại: Bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La.

Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian theo Bản án số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La.

Ông Đoàn Mạnh B có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước quản lý về đất đai để thực hiện việc đăng ký biến động đất đai và cấp GCNQSDĐ theo quy định.

2. Về trị giá tài sản, việc nuôi dưỡng con chung và án phí: Bà Trần Thị A và ông Đoàn Mạnh B không có tranh chấp và nhất trí thi hành theo Bản án số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2022, bị đơn ông Đoàn Mạnh B có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm về phần phân chia diện tích đất ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến quyền lợi của anh Đoàn Mạnh C (con trai ông) là người sinh sống trên phần đất mà Tòa án cấp sơ thẩm chia cho nguyên đơn Trần Thị A.

Ngày 19/10/2022, anh Đoàn Mạnh C có đơn đề nghị với nội dung: Anh C xác định tài sản trên phần diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cấp sơ thẩm chia cho nguyên đơn Trần Thị A (mẹ anh) là tài sản của anh, diện tích đất trên đã được bố mẹ anh cho anh và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, bảo vệ quyền lợi của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Nhất trí với ranh giới đất đã phân chia tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La.

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nhất trí việc cấp sơ thẩm chia cho ông thừa đất 6a và cho nguyên đơn thừa đất 6b. Không nhất trí việc cấp sơ thẩm chia phần đất ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn cũng như buộc bị đơn tháo dỡ tài sản trả đất cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Mạnh B nhưng cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên ranh giới phân chia đất như cấp sơ thẩm đã phân chia nhưng cần chỉnh sửa lại số liệu diện tích đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung do Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật:

Năm 2012, nguyên đơn bà Trần Thị A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Đoàn Mạnh B. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2012/QĐ-ĐC ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã quyết định xử cho nguyên đơn bà Trần Thị A được ly hôn ông Đoàn Mạnh B, đồng thời giải quyết về con chung, tài sản chung. Tại Quyết định tái thẩm số 01/2022/HNGĐ-TT ngày 25/02/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã Quyết định: Hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2012/QĐ-ĐC ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La về phần tài sản giữa nguyên đơn bà Trần Thị A với bị đơn ông Đoàn Mạnh B. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La giải quyết sơ thẩm lại về phần tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Việc cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “ Chia tài sản khi ly hôn” là có căn cứ, đúng quy định.

[1.2]. Về người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm xác định người tham gia tố tụng là nguyên đơn Trần Thị A, bị đơn Đoàn Mạnh B. Sau khi xét xử sơ thẩm,, anh Đoàn Mạnh C (con của bà A, ông B) có đơn đề nghị với nội dung: Anh C xác định tài sản trên phần diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cấp sơ thẩm chia cho nguyên đơn Trần Thị A (mẹ anh) là tài sản của anh, diện tích đất trên đã được bố mẹ anh cho anh và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, bảo vệ quyền lợi của anh.

Căn cứ nội dung đơn trên, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành ủy thác Trại giam X, Cục C10, Bộ Công an tiến hành lấy lời khai của anh Đoàn Mạnh C (do Anh C hiện đang chấp hành án tại tại Đội 13, phân trại số 1, Trại giam X, Cục C10, Bộ Công an) về tài sản cũng như ý kiến về việc tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm. Anh Đoàn Mạnh C nhất trí với việc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cấp phúc thẩm và không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa bố mẹ anh. Tòa án cấp phúc thẩm đã có thông báo số 1751/TB-TA đưa anh Đoàn Mạnh C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời thông báo cho anh Đoàn Mạnh C biết về thời điểm xét xử vụ án, anh Đoàn Mạnh C đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tiến hành xét xử vắng mặt Anh C theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của nguyên đơn, nội dung, trình tự giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các sai sót đã được chỉ ra tại Quyết định tái thẩm số 01/2022/HNGĐ-TT ngày 25/02/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội liên quan

đến việc đo đạc không chính xác diện tích đất đã được phân chia (thửa 6a, 6b), sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, ngày 15/7/2022, cấp sơ thẩm đã tiến hành việc xem xét thẩm định, định giá lại đối với diện tích đất đang tranh chấp để làm căn cứ cho việc phân chia tài sản chung, xác định phần diện tích đất thuộc các thửa 6a, 6b theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên ông Đoàn Mạnh B và phần diện tích đất tiếp nối với thửa 6a, 6b. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/HNGĐ-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện SM đã quyết định chia phần thửa đất 6a và phần diện tích đất tiếp nối thửa 6a cho ông Đoàn Mạnh B, phần thửa đất 6a và phần diện tích đất tiếp nối thửa 6b. Nguyên đơn bà Trần Thị A không có kháng cáo, bị đơn ông Đoàn Mạnh B nhất trí với việc phân chia thửa 6a, 6b, chỉ không nhất trí phân chia đối với phần tiếp nối của thửa 6b cho bà A như cấp sơ thẩm đã xác định.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, xét việc đo vẽ thẩm định của cấp sơ thẩm là đo vẽ bằng tay, chưa đảm bảo tính chính xác về kích thước, diện tích, ranh giới cụ thể của diện tích đất đang tranh chấp. Căn cứ theo đề nghị của đương sự, ngày 25/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã thực hiện lại việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với “Phần diện tích đất và tài sản trên đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị A và bị đơn ông Đoàn Mạnh B tại bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La”. Kết quả xem xét thực tế hiện trạng thấy rằng:

Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đoàn Mạnh B giáp ranh với diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn M5, bà Nguyễn Thị M6 đã chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị Mx. Giữa diện tích đất của hai bên không có bờ tường, tường rào hay vật để xác minh ranh giới cụ thể.

Quá trình thẩm định, ông Đoàn Mạnh B xác định: Diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Mạnh B có chiều rộng giáp đường là 10m.

Hộ liên kê bà Nguyễn Thị Mx xác định: Diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn M5, bà Nguyễn Thị M6 đã chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị Mx (chiều rộng giáp đường) là 5,5m.

Các bên không xác định được ranh giới giáp ranh chung.

Đối chiếu kích thước được cấp theo GCNQSDĐ của hai bên và kích thước thực tế đo đạc thấy rằng có sự chồng lấn, hai bên không thống nhất ranh giới chung nên không có căn cứ xác định chính xác diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị A và bị đơn ông Đoàn Mạnh B tại thời điểm thẩm định.

Tuy nhiên quá trình thẩm định vẫn lập sơ đồ, xác định từng ranh giới theo từng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm căn cứ xác định ranh giới cụ thể và làm căn cứ phân chia tài sản sau này.

Tổng chiều rộng hai thửa đất theo GCNQSDĐ mang tên ông Đoàn Mạnh B và thửa đất theo GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn M5, bà Nguyễn Thị

M6 đã chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị Mx thực tế đo đạc được là 14,93m.

Trường hợp xác định ranh giới theo GCNQSDĐ mang tên ông Đoàn Mạnh B thì chiều rộng thửa đất của ông bà M Mx còn lại là 4,93m, bị thiếu hụt là 0,57m.

Trường hợp xác định ranh giới theo GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn M5, bà Nguyễn Thị M6 đã chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn M, bà Nguyễn Thị Mx thì chiều rộng thửa đất của ông bà A B còn lại là 9,43m, bị thiếu hụt là 0,57m.

Đối chiếu kết quả đo đạc thực tế đang tranh chấp giữa bà A và ông B và sơ đồ theo GCNQSDĐ mang tên ông Đoàn Mạnh B thấy rằng hướng thửa đất, hình thể, diện tích thửa đất thực tế không phù hợp với sơ đồ theo GCNQSDĐ đã được cấp mang tên ông Đoàn Mạnh B.

Do đó việc xác định diện tích đất phân chia phải căn cứ trên hiện trạng đất thực tế đang sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị A thừa nhận thời điểm nhận chuyển nhượng phần đất của ông bà có chiều rộng giáp đường thực tế chỉ là 9,5m, bà không biết bằng cách nào mà GCNQSDĐ lại cấp 10m. Quá trình thẩm định tại cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp (thửa 6a + 6b) có chiều rộng giáp đường thực tế chỉ là 9,5m. Các bên không có tranh chấp, không có kháng cáo về nội dung này. Chỉ đến khi cấp phúc thẩm thực hiện lại việc thẩm định tại chỗ (đo đạc bằng máy) thì bị đơn ông B mới phát sinh yêu cầu đo đủ chiều rộng thửa đất theo GCNQSDĐ là 10m. Căn cứ theo sơ đồ thửa đất tại GCNQSDĐ của hộ giáp ranh (hộ ông bà M Mx) thì đất của ông bà M Mx có chiều rộng giáp đường (tại vị trí ranh giới cấp GCNQSDĐ) là 5,5m, áp vào sơ đồ đo đạc thực tế khi đo đạc đủ phần diện tích, kích thước đất cho ông bà M Mx thì phù hợp với lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị A cũng như phù hợp với ranh giới giáp ranh theo cấp sơ thẩm đã xác định chứ không phải kích thước như ông Đoàn Mạnh B đã yêu cầu tại cấp phúc thẩm.

Mặt khác, đối chiếu với chỉ giới cấp GCNQSDĐ thì diện tích đất đang tranh chấp có một phần nằm ngoài hành lang (ngoài chỉ giới cấp GCNQSDĐ).

Do đó, diện tích, kích thước thực tế sử dụng của thửa đất đang tranh chấp được xác định lại gồm:

- Phần diện tích đất tranh chấp giữa bà A – ông B nằm ngoài hành lang giao thông (ngoài chỉ giới cấp GCNQSDĐ) có tổng diện tích là 45,2 m², có tứ cận cụ thể:

+ Phía Tây Bắc giáp đường Hoàng Văn Thụ, có chiều dài 9,53m;

+ Phía Đông Bắc giáp với phần diện tích đất ông bà M Mx đang sử dụng nằm ngoài hành lang giao thông (ngoài chỉ giới cấp GCNQSDĐ), có chiều rộng là 4,92m;

+ Phía Đông Nam giáp phần diện tích đất đang tranh chấp (nằm trong chỉ

giới cấp GCNQSDĐ) giữa bà A – ông B có chiều dài 9,43m;

+ Phía Tây Nam giáp đất ông M4 đang sử dụng nằm ngoài hành lang giao thông (ngoài chỉ giới cấp GCNQSDĐ), có chiều rộng là 4,6m.

- Phần diện tích đất nằm trong chỉ giới cấp GCNQSDĐ, có tổng diện tích là 112,1 m², có tứ cận cụ thể:

+ Phía Tây Bắc giáp diện tích đất đang tranh chấp giữa bà A – ông B nằm ngoài hành lang giao thông (ngoài chỉ giới cấp GCNQSDĐ), có chiều rộng là 9,43m;

+ Phía Đông Bắc giáp đất ông bà M Mx, có chiều dài là 15,2m;

+ Phía Đông Nam giáp đất ông M1, có chiều rộng là 11,38m;

+ Phía Tây Nam giáp đất ông M4 đang sử dụng có chiều dài 8,45m.

Đối với tài sản trên đất: Đối chiếu kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo vẽ xác định:

Trên phần diện tích đất tranh chấp giữa bà Trần Thị A và ông Đoàn Mạnh B có tài sản là nhà cửa kiến trúc. Cụ thể:

Tại vị trí thửa đất 6a theo GCNQSDĐ mang tên Đoàn Mạnh B (đo đủ chiều rộng thửa đất là 5,5m):

+ Nhà 01 tầng, tường xây gạch 110mm, mái lợp tôn chống nóng, nền lát gạch ceramic, diện tích 56,1 m², công trình đưa vào sử dụng năm 2003. Do ông B, bà A xây dựng, trong đó:

*) Diện tích ngoài hành lang giao thông là 15,2m².

*) Diện tích trong chỉ giới cấp GCNQSDĐ là 40,9m².

+ 01 cửa cuốn tấm liền (phía trước nhà 1 tầng) có diện tích 14,1m², đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Một phần bán mái khung cột sắt, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng, diện tích $(3,3+16,4) = 19,7\text{m}^2$.

Tại vị trí thửa đất 6b theo GCNQSDĐ mang tên Đoàn Mạnh B:

+ Một phần bán mái khung cột sắt, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng, diện tích $(3,1+3,8+ 20,7+ 10,6) = 38,2\text{m}^2$.

(Tổng diện tích bán mái khung cột sắt, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng, bao gồm cả phần nằm ở thửa 6a, 6b là 57,9m²), xây dựng 57,9m², công trình đưa vào sử dụng năm 2013, trong đó: Diện tích ngoài hành lang giao thông là 6,4m²; Diện tích trong trong chỉ giới cấp GCNQSDĐ là 51,5m²)

+ Nhà 1 tầng, tường xây gạch 110mm, mái lợp fibro xi măng, nền lát gạch ceramic, diện tích xây dựng 20,7m², công trình đưa vào sử dụng năm 2015.

+ Tường xây gạch 110mm, bổ trụ (bên thửa đất 6b) có diện tích 32,12m², đưa vào sử dụng năm 2015.

+ Cổng sắt có diện tích 11,4m², đưa vào sử dụng năm 2015.

+ Giàn khung sắt trồng hoa, đưa vào sử dụng năm 2015.

Việc phân chia tài sản là quyền sử dụng đất:

Quá trình phân chia tài sản là quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm đã thực hiện việc phân chia dựa trên ranh giới hai thửa 6a, 6b theo GCNQSDĐ mang tên ông Đoàn Mạnh B. Ranh giới phân chia này cũng được xác lập tương tự như tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 trước đó (xác định chiều rộng thửa đất giáp đường phân chia cho ông Đoàn Mạnh B là 5,5m). Các bên đương sự bà A, ông B cũng nhất trí, không kháng cáo đối với việc xác lập ranh giới để phân chia này. Ông Đoàn Mạnh B chỉ kháng cáo không nhất trí đối với việc phân chia phần diện tích ngoài phần diện tích được cấp theo GCNQSDĐ. Do đó tại cấp phúc thẩm vẫn xác định ranh giới phân chia như cấp sơ thẩm đã xác định (ranh giới phân chia đủ 5,5m chiều rộng giáp đường đối với phần diện tích đất phân chia cho ông Đoàn Mạnh B).

Do đó số liệu thửa đất có sự thay đổi nên cần sửa lại phần phân chia tài sản là quyền sử dụng đất cho ông B, bà A.

Đối với thửa đất 6b theo GCNQSDĐ đã cấp cho ông Đoàn Mạnh B được xác định là đất ao hồ, tuy nhiên đã hết thời hạn sử dụng (tháng 12/2019). Tòa án cấp phúc thẩm đã có văn bản gửi UBND huyện SM. Tại Văn bản trả lời của UBND huyện SM đã xác định trường hợp đương sự có nhu cầu thì được tiếp tục sử dụng đất.

Đối với phần diện tích đất qua đo đạc xác định nằm ngoài chỉ giới cấp GCNQSDĐ, cần tạm giao cho các đương sự quản lý, sử dụng.

Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn ông B cho rằng phần diện tích đất tăng thêm là do cá nhân công sức của ông bỏ ra, không liên quan đến bà A và không nhất trí với việc cấp sơ thẩm chia cả phần diện tích đất tăng thêm cho bà A cũng như việc dỡ bỏ tài sản trên đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Thứ nhất, đối chiếu thực tế sơ đồ đo đạc trong quá trình xem xét thẩm định tại chỗ với GCNQSDĐ mang tên ông Đoàn Mạnh B thấy rằng: kích thước chiều dài thửa 6a và kích thước chiều rộng thửa 6b theo thực tế là không phù hợp với kích thước được cấp theo GCNQSDĐ đã cấp (đều bị thiếu hụt, hình thể thửa đất không đúng). Do đó việc cấp sơ thẩm xác định diện tích đất theo từng thửa theo sơ đồ trong GCNQSDĐ từ đó làm căn cứ xác định diện tích đất ngoài GCNQSDĐ và phân chia là không đảm bảo căn cứ. Quá trình sử dụng đất, bà A – ông B có việc mua thêm, đổi đất nhưng không xác định được cụ thể là bao nhiêu. Do đó trong trường hợp này, khi phân chia quyền sử dụng đất, chỉ phân chia theo thực tế hiện trạng đất, không phân chia theo thửa đất như trong GCNQSDĐ.

Thứ hai, ông Đoàn Mạnh B cho rằng phần diện tích đất tăng thêm, ngoài GCNQSDĐ là do một mình ông mua và thanh toán, đến năm 2014 (sau khi ly hôn) ông mới thanh toán hết tiền. Tuy nhiên thời điểm mua đất được cả nguyên

đơn bà A, bị đơn ông B xác định là thời điểm trong thời kỳ hôn nhân, ông B không xuất trình được tài liệu làm căn cứ chứng minh là tài sản riêng của ông, do ông mua riêng cũng như việc thanh toán tiền.

Thứ ba, đối với việc anh Đoàn Mạnh C sinh sống trên phần diện tích đất (phần diện tích đất được xác định phân chia cho bà A), Anh C cho rằng diện tích đất trên đã được bố mẹ anh (ông B, bà A) nhất trí cho anh để ở, ông B cho rằng đã Anh C đã xin phần diện tích đất trên của bà A và được bà A đồng ý. Tuy nhiên bà A khẳng định không hề có việc cho đất, giữa các bên cũng không có biên bản, giấy tờ thỏa thuận nào về việc cho Anh C phần diện tích đất trên.

Thứ tư, đối với các tài sản trên phần diện tích đất (vị trí thửa 6b) được xác cấp sơ thẩm xác định phân chia quyền sử dụng đất cho bà A:

Tại bản án sơ thẩm tuyên buộc ông B phải tháo dỡ toàn các tài sản đã xây dựng trên thửa đất 6b để trả lại nguyên trạng thửa đất cho bà A tuy nhiên không xác định rõ các tài sản đã xây dựng trên đất là tài sản gì.

Cấp phúc thẩm đã tiến hành thẩm định bổ sung, xác định các tài sản trên phần vị trí thuộc thửa 6b gồm: Một phần bán mái khung cột sắt, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng; Nhà 1 tầng, tường xây gạch 110mm, mái lợp fibro xi măng, nền lát gạch ceramic; Tường xây gạch 110mm, bở trụ; Cổng sắt có diện tích 11,4m²; Giàn khung sắt trồng hoa.

Đối với các tài sản trên, ông B cho rằng ngôi nhà, tường gạch và Giàn khung sắt trồng hoa lan là do Anh C xây dựng năm 2015 (ông là người cho tiền; còn cổng sắt là do ông lắp đặt. Bà A cho rằng ngôi nhà, tường gạch là do ông B xây dựng, vợ chồng Anh C chỉ vào ở. Tại đơn đề nghị ngày 13/10/2022, Anh C cho rằng toàn bộ phần tài sản nằm trên phần đất trên là của anh. Tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 15/11/2022, Anh C xác định ngôi nhà là do bố anh xây dựng chứ không phải anh, anh và vợ anh là người vào ở trên ngôi nhà đó; anh có lắp đặt giàn khung sắt trồng hoa lan. Đối chiếu các lời khai trên, có căn cứ xác định khối tài sản trên vị trí thửa 6b là do ông B và Anh C cùng xây dựng.

Mặt khác, thời điểm xây dựng khối tài sản này là năm 2015, tại thời điểm trên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2012/HNGĐ-ST ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện SM đang có hiệu lực pháp luật. Phần diện tích thửa 6b đã được phân chia cho bà Trần Thị A, việc ông B và Anh C cùng xây dựng khối tài sản trên trên phần đất đã phân chia cho bà A là trái luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà A. Cấp sơ thẩm buộc dỡ bỏ tài sản trên phần đất đã phân chia cho bà A là có căn cứ. Do khối tài sản do ông B và Anh C cùng xây dựng nên cần buộc ông B, Anh C phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ nhà cửa, công trình kiến trúc vật liệu để trả lại nguyên trạng thửa đất đã được phân chia cho bà A.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đoàn Mạnh B nhưng cần sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Đây là vụ án chia tài sản chung, do đó nguyên đơn, bị đơn đều phải chịu chi phí tố tụng.

Tại bản án sơ thẩm đã xét xử và quyết định buộc nguyên đơn bà Trần Thị A phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 3.500.000 đồng là không chính xác.

Tổng chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 7.500.000 đồng. Theo phần bà A, ông B mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 3.750.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm bà Trần Thị A đã nộp là 3.500.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, ông Đoàn Mạnh B đã nộp là 4.000.000 đồng (đều đã thu và đã chi). Do đó, bà A có trách nhiệm hoàn trả cho ông B số tiền là 250.000 đồng.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đoàn Mạnh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do bản án bị sửa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Mạnh B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/HNGĐ-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La về việc “Chia tài sản khi ly hôn” như sau:

Căn cứ Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158 BLTTDS năm 2015.

Tuyên xử:

Về phân chia lại tài sản chung khi ly hôn:

- *Tạm giao cho ông Đoàn Mạnh B được quyền quản lý, sử dụng:*

Thửa đất S1 có diện tích 25,8 m², vị trí thửa đất: Bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Đất có tứ cận cụ thể:

+ Phía Tây Bắc giáp đường Hoàng Văn Thụ, có chiều dài 5,5m;

+ Phía Đông Bắc giáp với phần diện tích đất S3 tạm giao cho bà Trần Thị A, có chiều dài 4,8m;

+ Phía Đông Nam giáp phần diện tích đất S2 ông B được giao, có chiều dài 5,5m.

+ Phía Tây Nam giáp đất ông M4 đang sử dụng nằm ngoài hành lang giao thông (ngoài chỉ giới cấp GCNQSDĐ), có chiều rộng là 4,6m.

- *Giao cho ông Đoàn Mạnh B được quyền quản lý, sử dụng:*

Thửa đất S2 có diện tích 57,4 m², vị trí thửa đất: Bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Đất có tứ cận cụ thể:

+ Phía Tây Bắc giáp phần diện tích đất S1 ông B được tạm giao, có chiều dài 5,5m (4,41 + 1,09m).

+ Phía Đông Bắc giáp phần diện tích đất S4 bà A được giao, có chiều dài 12,41m.

+ Phía Đông Nam giáp đất ông M1, có chiều dài là 6,74m (4,69m + 2,05m);

+ Phía Tây Nam giáp đất ông M4, có chiều dài 8,45m.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Ông Đoàn Mạnh B được quyền sở hữu các tài sản trên đất được giao và tạm giao gồm:

+ Nhà 01 tầng, tường xây gạch 110mm, mái lợp tôn chống nóng, nền lát gạch ceramic, diện tích 56,1 m², công trình đưa vào sử dụng năm 2003. Do ông B, bà A xây dựng, trong đó:

* Diện tích ngoài hành lang giao thông là 15,2m².

* Diện tích trong chỉ giới cấp GCNQSDĐ là 40,9m².

+ 01 cửa cuốn tấm liền (phía trước nhà 1 tầng) có diện tích 14,1m², đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Một phần bán mái khung cột sắt, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng, diện tích (3,3+16,4) = 19,7m².

(Có sơ đồ kèm theo)

- Tạm giao cho bà Trần Thị A được quyền quản lý, sử dụng:

Thửa đất S3 có diện tích 19,4 m², vị trí thửa đất: Bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Đất có tứ cận cụ thể:

+ Phía Tây Bắc giáp đường Hoàng Văn Thụ, có chiều dài 4,03m (3,73m + 0,3m).

+ Phía Đông Bắc giáp với phần diện tích đất ông bà M Mx đang sử dụng nằm ngoài hành lang giao thông (ngoài chỉ giới cấp GCNQSDĐ), có dài là 4,92m;

+ Phía Đông Nam giáp phần diện tích đất S4 giao cho bà A, có chiều dài 3,93m;

+ Phía Tây Nam giáp phần diện tích đất S1 tạm giao cho ông Đoàn Mạnh B, có chiều dài 4,8m;

(Có sơ đồ kèm theo)

- Giao cho bà Trần Thị A được quyền quản lý, sử dụng:

Thửa đất S4 có diện tích 54,7 m², vị trí thửa đất: Bản TG, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La. Đất có tứ cận cụ thể:

- + Phía Tây Bắc giáp phần diện tích đất S3 tạm giao cho bà A, có chiều dài 3,93m;
- + Phía Đông Bắc giáp đất ông bà M – MX, có chiều dài 15,2m (13m + 2,2m);
- + Phía Đông Nam giáp đất ông M1, có chiều dài là 4,64m;
- + Phía Tây Nam giáp diện tích đất S2 giao cho ông B, có chiều dài 12,41m.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Ông Đoàn Mạnh B, bà Trần Thị A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước quản lý về đất đai để thực hiện việc đăng ký biến động đất đai và cấp GCNQSDĐ theo quy định.

- Buộc ông Đoàn Mạnh B, anh Đoàn Mạnh C phải tháo dỡ toàn các tài sản đã xây dựng trên phần diện tích đã phân chia cho bà Trần Thị A, trả lại nguyên trạng thửa đất. Các tài sản phải tháo dỡ bao gồm:

- + Một phần bán mái khung cột sắt, mái lợp fibro xi măng, nền lán vữa xi măng, diện tích $(3,1+3,8+ 20,7+ 10,6) = 38,2m^2$.
- + Nhà 01 tầng, tường xây gạch 110mm, mái lợp fibro xi măng, nền lát gạch ceramic, diện tích xây dựng $20,7m^2$, công trình đưa vào sử dụng năm 2015.
- + Tường xây gạch 110mm, bở trụ có diện tích $32,12m^2$.
- + Cổng sắt có diện tích $11,4m^2$.
- + Giàn khung sắt trồng hoa.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí tố tụng mà các đương sự phải chịu là: 7.500.000 đồng. Theo phần bà A, ông B mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 3.750.000 đồng. Các đương sự đã nộp đủ.

Bà A có trách nhiệm hoàn trả cho ông B số tiền chi phí tố tụng mà ông B đã chi thay là 250.000 đồng.

3. Về án phí: Bị đơn ông Đoàn Mạnh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001716 ngày 28/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SM, tỉnh Sơn La.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a, 7b và điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện SM;
- Chi cục THADS huyện SM;
- VKSND huyện SM;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền